TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 232/2023/QĐST-HNGĐ	*M, ngày 31 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 239/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: anh **Nguyễn Trung H**, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện M, thành phố H.

- Bị đơn: Chị **Phạm Thị Đ**, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện M, thành phố H.

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số: 91 ngày 23/10/2003 tại UBND xã T, huyện M, thành phố H.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 07 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Trung H và chị Phạm Thị Đ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Nguyễn Trung H và chị Phạm Thị Đ xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Ngọc Xuân M, SN 27/10/2004; Nguyễn Quốc H, SN 25/02/2007 và Nguyễn Tiến Đ, SN 31/10/2016. Hai bên thỏa thuận cháu Nguyễn Ngọc Xuân M, SN 27/10/2004 hiện đã trưởng thành trên 18 tuổi không yêu cầu tòa án giải quyết, giao hai cháu Nguyễn Quốc H, SN 25/02/2007 và Nguyễn Tiến Đ, SN 31/10/2016 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con

chung thành niên đủ 8 tuổi nếu không có sự thay đổi khác. Chị Đ không phải đóng góp nuôi con chung cho anh H vì anh H không yêu cầu. Chị Đ có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: Anh H và chị Đ xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Trung H tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số: AA/2020/ 0021191 ngày 21/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, thành phố H; Anh H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố ;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã , huyện M, thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tô Thanh Phong